

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016
của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange
on Disclosur of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
MEKONGFISHERIES JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 028/CV.2017
No.028/CV.2017

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2017.
Cantho City, day 11 month 08 year 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

To:

- The State Securities Commission

- Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**
Organization name: MEKONGFISHERIES JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/ Securities Symbol: **AAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.**
Address: Lot 24, Tra Noc Industrial Zone , Tra Noc Ward , Binh Thuy District , Can Tho City.
- Điện thoại/ Telephone: **0710.3841560**
- Fax: **0710.3841560 – 0710.3841192**
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: **NGUYỄN HOÀNG NHON**
- Chức vụ: **Phó chủ tịch Hội đồng quản trị**
Position: Vice chairman of the board

Loại thông tin công bố : Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017.

Content of Information disclosure (*): Report a finance 06 month year 2017.

(*) Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

Lý do/ Reason:

Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/08/2017 tại đường dẫn : <http://mekongfish.vn/vn/>

This information will be posted on the company's website on 20/08/2017 at the link: <http://mekongfish.vn/vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Organization representative
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
Party authorized to disclose information

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT /
Documents related to the disclosure



Nguyễn Hoàng Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 39
8. Phụ lục 01	40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp Chế biến Nông sản Thực phẩm thuộc Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800448811 (số cũ là 5703000016), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292.3.841.294
- Fax : 0292.3.841.192

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn gạo; bán buôn thủy sản; bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ nuôi trồng và chế biến thủy sản; bán buôn sắt, thép; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn phân bón; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; nhập khẩu nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; nhập khẩu hóa chất, phụ gia, thiết bị, bao bì phục vụ và chế biến thủy sản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
3. Lương Hoàng Duy	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
4. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
5. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Nguyễn Kim Phượng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
2. Dương Thị Lệ Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
3. Nguyễn Văn Hằng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
4. Tô Thị Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017
2. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2008
3. Nguyễn Châu Hoàng Quyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2012
4. Lương Hoàng Duy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Hoàng Mạnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lương Hoàng Mạnh
Chủ tịch

Ngày 08 tháng 8 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 131CT/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 7 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.060.968.339	211.692.755.720
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.100.291.479	13.386.493.510
1. Tiền	111		24.100.291.479	8.386.493.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.077.880.220	30.207.633.393
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.635.226.000	6.635.226.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.557.345.780)	(2.427.592.607)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	36.000.000.000	26.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.384.149.441	68.008.187.406
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.170.936.372	20.998.074.464
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.340.432.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.782.841.000	3.230.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	35.089.940.069	43.780.112.942
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		63.643.214.740	96.580.328.481
1. Hàng tồn kho	141	V.7	63.643.214.740	96.580.328.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.855.432.459	3.510.112.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.939.803.821	2.299.449.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	915.628.638	1.210.663.730
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.307.515.376	46.211.012.714
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.579.088.876	34.402.626.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.743.152.251	11.248.808.857
- Nguyên giá	222		80.205.643.712	79.115.643.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.462.491.461)	(67.866.834.855)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.835.936.625	23.153.817.357
- Nguyên giá	228		27.837.973.495	27.837.973.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.002.036.870)	(4.684.156.138)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.040.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	40.040.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.688.386.500	10.688.386.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	10.688.386.500	10.688.386.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.000.000.000	1.120.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.000.000.000	1.120.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		254.368.483.715	257.903.768.434

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.056.256.836	12.925.353.606
I. Nợ ngắn hạn	310		9.994.141.446	9.842.469.002
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	5.630.832.969	4.419.549.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	677.883.050	1.598.119.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.554.924	9.471.183
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1.800.000.000	399.980.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.324.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	561.533.486	582.677.310
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.310.013.017	2.832.671.913
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.062.115.390	3.082.884.604
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	3.035.000.000	3.035.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	27.115.390	47.884.604
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.312.226.879	244.978.414.828
I. Vốn chủ sở hữu	410		241.312.226.879	244.978.414.828
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	126.358.400.000	126.358.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.358.400.000	126.358.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	152.960.686.000	152.960.686.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.21a	1.287.760.139	1.287.760.139
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21a	(62.529.155.207)	(62.529.155.207)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	5.837.847.302	5.837.847.302
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	17.396.688.645	21.062.876.594
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.095.026.094	21.062.876.594
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.301.662.551	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		254.368.483.715	257.903.768.434

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2017

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	128.491.210.528	136.719.600.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	902.684.800	2.589.694.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		127.588.525.728	134.129.905.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	114.603.556.629	121.985.904.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.984.969.099	12.144.000.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.604.612.317	2.382.520.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(807.988.637)	795.019.120
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	715.875.739
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	8.916.517.337	7.484.219.762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.893.988.180	4.820.491.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.587.064.536	1.426.791.449
11. Thu nhập khác	31	VI.8	40.000.000	49.222.728
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.136.107	-
13. Lợi nhuận khác	40		36.863.893	49.222.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.623.928.429	1.476.014.177
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	295.035.092	356.132.405
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(20.769.214)	(115.034.477)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.349.662.551	1.234.916.249
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	117	106
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	117	106



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2017

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.623.928.429	1.476.014.177
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V9, V.10, V.19	1.871.574.856	2.894.878.004
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	(870.246.827)	(167.427.351)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(185.093.269)	90.912.731
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(1.205.130.218)	(2.197.429.268)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	-	715.875.739
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.235.032.971	2.812.824.032
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.563.538.236	(1.171.521.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.937.113.741	15.023.911.132
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.674.331.340	(4.563.133.710)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		120.000.000	203.163.270
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(750.657.301)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	86.900.000	22.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, V.21a	(1.615.596.414)	(445.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.001.319.874	11.131.136.179
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(1.130.040.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.960.000.000)	(56.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.407.159.000	74.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(10.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.188.068.371	2.342.605.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.494.812.629)	20.092.605.657

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(49.966.195.253)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(4.967.850.500)	(5.961.420.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(4.967.850.500)</i>	<i>(55.927.615.853)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.538.656.745	(24.703.874.017)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.386.493.510	27.955.052.472
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		175.141.224	(59.862.591)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	32.100.291.479	3.191.315.864

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2017

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ có trụ sở chính tại số 241, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội ngoại thất, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 44,98%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 380 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 411 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ gồm:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.565.598	5.875.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.093.725.881	8.380.618.225
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	<u>8.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Cộng	<u>32.100.291.479</u>	<u>13.386.493.510</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	4.134.920.000		(422.345.780)	4.134.920.000		(545.092.607)
- Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh	306.000	306.000	-	306.000	306.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	<u>2.500.000.000</u>	<u>1.365.000.000</u>	<u>(1.135.000.000)</u>	<u>2.500.000.000</u>		<u>-(1.882.500.000)</u>
Cộng	<u>6.635.226.000</u>		<u>-(1.557.345.780)</u>	<u>6.635.226.000</u>		<u>-(2.427.592.607)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.427.592.607	923.815.826
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(870.246.827)	(167.427.351)
Số cuối kỳ	<u>1.557.345.780</u>	<u>756.388.475</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	36.000.000.000	36.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	36.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	<u>46.000.000.000</u>	<u>46.000.000.000</u>	<u>26.000.000.000</u>	<u>26.000.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	10.688.386.500	-	10.688.386.500	-
Cộng	<u>10.688.386.500</u>	<u>-</u>	<u>10.688.386.500</u>	<u>-</u>

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800159418 thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ là 647.781 cổ phần, chiếm 44,98% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không phát sinh dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Halker KFT	2.500.668.140	1.681.304.992
Al Jazeera For Importing	771.800.000	1.329.120.000
Ocean Fish SRL	725.846.304	1.542.951.552
Prodelpac Empresa Individual	1.184.066.050	1.185.109.280
Klion Co., Ltd (Gold Fish)	1.088.067.750	5.897.566.720
Lovo Promet D.O.O	1.418.977.000	2.446.035.200
Mundicompras LDA	6.495.772.980	-
Các khách hàng khác	4.985.738.148	6.915.986.720
Cộng	<u>19.170.936.372</u>	<u>20.998.074.464</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	197.247.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Hiền Đệ	130.185.000	-
Công ty TNHH MTV ĐMT	980.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	33.000.000	-
Cộng	<u>1.340.432.000</u>	<u>-</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho Ông Lê Hồng Sơn vay tiền với lãi suất 7%/năm	3.222.841.000	3.000.000.000
Cho Ông Huỳnh Phát Triển vay tiền với lãi suất 6,96%/năm	110.000.000	130.000.000
Cho Bà Lê Yến Nhi vay tiền với lãi suất 6,5%/năm	100.000.000	100.000.000
Cho Ông Trần Oanh Liệt vay tiền với lãi suất 7%/năm	350.000.000	-
Cộng	<u>3.782.841.000</u>	<u>3.230.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Đại lý cá - Ứng tiền nuôi cá	25.545.000.000	-	25.595.000.000	-
Tạm ứng	9.064.417.700	-	17.378.356.720	-
Lãi tiền gửi phải thu	298.680.556	-	270.202.778	-
Lãi cho vay phải thu	73.146.513	-	84.562.444	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	108.695.300	-	451.991.000	-
Cộng	<u>35.089.940.069</u>	<u>-</u>	<u>43.780.112.942</u>	<u>-</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.500.342.156	-	8.536.356.622	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	794.708.647	-	749.219.234	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.145.310.067	-	33.048.057.576	-
Thành phẩm	49.202.853.870	-	54.246.695.049	-
Cộng	63.643.214.740	-	96.580.328.481	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng hợp tác đầu tư	1.000.000.000	1.120.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.120.000.000

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.260.631.016	53.799.209.292	4.797.469.454	258.333.950	79.115.643.712
Mua trong kỳ	-	274.000.000	816.000.000	-	1.090.000.000
Số cuối kỳ	20.260.631.016	54.073.209.292	5.613.469.454	258.333.950	80.205.643.712
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.296.076.637	40.770.675.370	-	258.333.950	51.325.085.957
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.722.809.733	48.949.952.337	2.935.738.835	258.333.950	67.866.834.855
Khấu hao trong kỳ	542.878.669	767.571.139	285.206.798	-	1.595.656.606
Số cuối kỳ	16.265.688.402	49.717.523.476	3.220.945.633	258.333.950	69.462.491.461
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.537.821.283	4.849.256.955	1.861.730.619	-	11.248.808.857
Số cuối kỳ	3.994.942.614	4.355.685.816	2.392.523.821	-	10.743.152.251
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	27.837.973.495
Số cuối kỳ	27.837.973.495
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.684.156.138
Khấu hao trong kỳ	317.880.732
Số cuối kỳ	5.002.036.870

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	23.153.817.357
Số cuối kỳ	<u>22.835.936.625</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	40.040.000	-	40.040.000
Cộng	-	40.040.000	-	40.040.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	7.453.642
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	648.600	10.733.267
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(648.600)	-
Số cuối kỳ	-	18.186.909

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH King Group	792.435.655	1.383.831.196
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	433.637.842	529.310.254
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Mỹ	303.634.100	465.545.300
Mercury Petrol (1995) Co., Ltd	794.046.000	-
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	505.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.802.079.372	2.040.862.825
Cộng	5.630.832.969	4.419.549.575

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
FLP Zaporozhchenko Vladimir Alexandrovich	-	369.058.000
Shandong Ocean International Co., Ltd	-	271.200.000
Smart United Sialielirbes	-	197.072.000
Công ty Cổ phần BJ&T	-	287.443.021
Atlantic FS S.A.S	190.589.200	-
Indepesca Overseas Private Ltd	63.276.250	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mediex Group Trade	226.800.000	-
May Ao Foods Co., Ltd	197.217.600	-
Các khách hàng khác	-	473.346.000
Cộng	<u>677.883.050</u>	<u>1.598.119.021</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
				<u>nộp</u>		
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.205.071	-	-	-	3.205.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.207.458.659	295.035.092	-	-	912.423.567
Thuế thu nhập cá nhân	8.433.743	-	266.524.882	(266.469.421)	8.489.204	-
Thuế tài nguyên	1.037.440	-	5.713.000	(5.684.720)	1.065.720	-
Tiền thuê đất	-	-	43.638.777	(43.638.777)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	20.000.000	(20.000.000)	-	-
Cộng	<u>9.471.183</u>	<u>1.210.663.730</u>	<u>630.911.751</u>	<u>(335.792.918)</u>	<u>9.554.924</u>	<u>915.628.638</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%
Dịch vụ	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.623.928.429	1.476.014.177
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	360.230.799	850.127.456
- Các khoản điều chỉnh giảm	(185.093.269)	(49.690.945)
Thu nhập chịu thuế	<u>1.799.065.959</u>	<u>2.276.450.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập được miễn thuế	(323.890.500)	(388.668.600)
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.475.175.459	1.887.782.088
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	295.035.092	377.556.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(21.424.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	295.035.092	356.132.405

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 3.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê lại đất số 83HD/TLĐ.KCN, ngày 10/7/2006:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m².
- Thời hạn thuê: 41 năm từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2046.
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm.
- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,2 USD/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	1.800.000.000	399.980.000
Cộng	1.800.000.000	399.980.000

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí phân xưởng	3.280.000	-
Chi phí chuyển hàng nội bộ	1.044.000	-
Cộng	4.324.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	561.533.486	582.677.310
Cộng	561.533.486	582.677.310

18b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.414.556.664	-	(977.036.414)	-	437.520.250
Quỹ phúc lợi	578.865.692	86.900.000	(590.560.000)	-	75.205.692
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	839.249.557	-	-	(41.962.482)	797.287.075
Cộng	2.832.671.913	86.900.000	(1.567.596.414)	(41.962.482)	1.310.013.017

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	47.884.604	104.301.210
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(20.120.614)	(104.301.210)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(648.600)	-
Số cuối kỳ	27.115.390	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
1. Lương Hoàng Mãnh	7.698.850.000	6,09	7.698.850.000	-
2. Nguyễn Hoàng Nhon	3.042.900.000	2,41	3.042.900.000	-
3. Nguyễn Thị Chính	2.978.500.000	2,36	2.978.500.000	-
4. Trần Thị Bé Năm	2.120.600.000	1,68	2.120.600.000	-
5. Ngô Thị Thó	346.170.000	0,27	346.170.000	-
6. Các cổ đông khác	110.171.380.000	87,19	110.171.380.000	-
Cộng	126.358.400.000	100	126.358.400.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.635.840	12.635.840
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.635.840	12.635.840
- Cổ phiếu phổ thông	12.635.840	12.635.840
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	2.700.139	2.700.139
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.139	2.700.139
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.935.701	9.935.701
- Cổ phiếu phổ thông	9.935.701	9.935.701
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.AAM.2016 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, đã thông qua các vấn đề sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 (10%)	: 156.952.268
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 (không trực tiếp điều hành)	: 126.000.000
• Chia cổ tức năm 2016 (05%/mệnh giá)	: 4.967.850.500

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 (05%/mệnh giá) là 4.967.850.500 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	51.320.444	51.320.444
Trên 01 năm đến 05 năm	205.281.776	205.281.776
Trên 05 năm	1.283.011.100	1.283.011.100
Cộng	<u>1.539.613.320</u>	<u>1.539.613.320</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 41 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ công bố.

22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	879.280,39	234.072,37
Euro (EUR)	284,52	289,84

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	113.148.073.772	111.782.154.328
Doanh thu bán phụ phẩm	15.254.429.938	24.707.335.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.706.818	230.110.510
Cộng	128.491.210.528	136.719.600.428

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	812.044.800	2.531.266.200
Giảm giá hàng bán	90.640.000	58.428.500
Cộng	902.684.800	2.589.694.700

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	114.603.556.629	121.985.904.780
Cộng	114.603.556.629	121.985.904.780

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	713.763.888	1.731.481.945
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.912.097	13.469.050
Lãi tiền cho vay	167.475.830	77.278.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	323.890.500	388.668.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	203.476.733	171.622.105
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	185.093.269	-
Cộng	1.604.612.317	2.382.520.423

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	715.875.739

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(20.120.614)	(104.301.210)
Cộng	(20.769.214)	(115.034.477)

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.349.662.551	1.234.916.249
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(134.966.255)	(123.491.625)
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(48.000.000)	(63.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.166.696.296	1.048.424.624
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.935.701	9.935.701
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	117	106

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.AAM.2016 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.935.701	9.935.701
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.935.701	9.935.701

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.590.061.967	101.943.496.907
Chi phí nhân công	12.071.356.961	21.675.773.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.871.574.856	2.894.878.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.300.041.969	6.719.765.494
Chi phí khác	9.537.185.214	10.952.552.176
Cộng	123.370.220.967	144.186.465.950

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	343.556.417	374.492.078
Thưởng	89.046.667	134.350.046
Phụ cấp	132.000.000	129.000.000
Cộng	564.603.084	637.842.124

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Motilen Cần Thơ là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	17.544.264.786	30.756.601.100
Nước ngoài	110.044.260.942	103.373.304.628
Cộng	127.588.525.728	134.129.905.728

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân là nhân viên vay tiền. Các cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.100.291.479	-	-	-	32.100.291.479
Chứng khoán kinh doanh	306.000	-	-	6.634.920.000	6.635.226.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.000.000.000	-	-	-	36.000.000.000
Phải thu khách hàng	19.170.936.372	-	-	-	19.170.936.372
Các khoản cho vay	3.782.841.000	-	-	-	3.782.841.000
Các khoản phải thu khác	26.025.522.369	-	-	-	26.025.522.369
Cộng	117.079.897.220	-	-	6.634.920.000	123.714.817.220
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.386.493.510	-	-	-	13.386.493.510
Chứng khoán kinh doanh	306.000	-	-	6.634.920.000	6.635.226.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.000.000.000	-	-	-	26.000.000.000
Phải thu khách hàng	20.998.074.464	-	-	-	20.998.074.464
Các khoản cho vay	3.230.000.000	-	-	-	3.230.000.000
Các khoản phải thu khác	26.401.756.222	-	-	-	26.401.756.222
Cộng	90.016.630.196	-	-	6.634.920.000	96.651.550.196

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	5.630.832.969	-	-	5.630.832.969
Các khoản phải trả khác	4.324.000	3.035.000.000	-	3.039.324.000
Cộng	5.635.156.969	3.035.000.000	-	8.670.156.969
Số đầu năm				
Phải trả người bán	4.419.549.575	-	-	4.419.549.575
Các khoản phải trả khác	-	3.035.000.000	-	3.035.000.000
Cộng	4.419.549.575	3.035.000.000	-	7.454.549.575

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	879.280,39	284,52	234.072,37	289,84
Phải thu khách hàng	843.008,36	-	917.223,70	-
Phải trả người bán	(34.980,00)	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.687.308,75	284,52	1.151.296,07	289,84

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 612.830.538 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 383.061.921 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.077.880.220 VND (số đầu năm là 4.207.633.393 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.100.291.479	-	13.386.493.510	-	32.100.291.479	13.386.493.510
Chứng khoán kinh doanh	6.635.226.000	(1.557.345.780)	6.635.226.000	(2.427.592.607)	5.077.880.220	4.207.633.393
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.000.000.000	-	26.000.000.000	-	36.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khách hàng	19.170.936.372	-	20.998.074.464	-	19.170.936.372	20.998.074.464
Các khoản cho vay	3.782.841.000	-	3.230.000.000	-	3.782.841.000	3.230.000.000
Các khoản phải thu khác	26.025.522.369	-	26.401.756.222	-	26.025.522.369	26.401.756.222
Cộng	123.714.817.220	(1.557.345.780)	96.651.550.196	(2.427.592.607)	122.157.471.440	94.223.957.589

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	5.630.832.969	4.419.549.575	5.630.832.969
Các khoản phải trả khác	3.039.324.000	3.035.000.000	3.039.324.000	3.035.000.000
Cộng	8.670.156.969	7.454.549.575	8.670.156.969	7.454.549.575

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.


5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2017


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập


Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng


Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	5.837.847.302	25.737.726.780	249.653.265.014
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.234.916.249	1.234.916.249
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	(5.961.420.600)	(5.961.420.600)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	5.837.847.302	20.948.222.429	244.863.760.663
Số dư đầu năm nay	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	5.837.847.302	21.062.876.594	244.978.414.828
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.349.662.551	1.349.662.551
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(4.967.850.500)	(4.967.850.500)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(48.000.000)	(48.000.000)
Số dư cuối kỳ	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	5.837.847.302	17.396.588.645	241.312.226.879



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2017

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc